



jīn sī què
金丝雀

noun · canary

Example Sentences

tā yǎng le yì zhī jīn sī què
她养了一只金丝雀。

She keeps a canary.

jīn sī què de gē shēng fēi cháng dòng tīng
金丝雀的歌声非常动听。

The canary's song is very melodious.

Trace each character, then write the word on your own.

金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金
丝	丝	丝	丝	丝	丝	丝	丝			
雀	雀	雀	雀	雀	雀	雀	雀	雀	雀	雀
雀	雀	雀								